

Số: **12** /NQ-HĐND

Thăng Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về phê duyệt bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn huyện Thăng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 4 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về
quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về
phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND
tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung
ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ;
huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-
2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh
về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương, ngân sách
tỉnh giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/3/2023 của HĐND tỉnh
Quảng Nam về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung
ương bổ sung giai đoạn 2021-2025 và ngân sách trung ương năm 2023 (dự
phòng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên
địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025 và ngân sách trung ương năm 2023 (dự phòng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Thăng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách huyện, xã cho các nội dung trong Chương trình NTM trên địa bàn huyện Thăng Bình, giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 16/6/2023 của UBND Thăng Bình về việc đề nghị bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn 2021-2025 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Thăng Bình; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTXH ngày 19/6/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận tại cuộc họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 25 công trình, với tổng mức đầu tư dự kiến 8.926,98 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách Trung ương: 5.890,98 triệu đồng; Ngân sách huyện: 1.773,28 triệu đồng; ngân sách xã: 758,91 triệu đồng; Huy động khác: 503,81 triệu đồng).

(Danh mục công trình chi tiết kèm theo phục lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình:

1. Có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở NN&PTNT về kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc Chương trình MTQG XD nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, huyện Thăng Bình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

2. Danh mục dự án và mức vốn đề nghị theo trình tự và quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, các đơn vị, địa phương chỉ được phép thực hiện dự án khi được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

3. Chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn xem xét, lựa chọn thứ tự ưu tiên danh mục dự án đầu tư hằng năm theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

4. Khi có sự điều chỉnh, thay đổi các công trình tại danh mục đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; sắp xếp danh mục dự án phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối vốn phải báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất xem xét, thống nhất điều chỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình Khóa XII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2023. /.

Nơi nhận: *HL*

- TTHĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở KH-ĐT, Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh; Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- TVHU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành, đoàn thể huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- CVP, PCVP HĐND&UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu :VT-TH.



CHỦ TỊCH

Phan Công Vỹ



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẮNG BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số: **12** /NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện Thăng Bình)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tên danh mục công trình/dự án khởi công mới	Quy mô	Chi phí đầu tư	Trong đó				Ghi chú
				TW	Huyện	Xã	Huy động khác	
	TỔNG		8.926,98	5.890,98	1.773,28	758,91	503,81	25 CT
I	Xã Bình Quế		901,66	631,16	180,33	90,17	0,00	3 CT
1	Giao thông nội đồng		630,40	441,28	126,08	63,04		
1	Bê tông hóa giao thông nội đồng Tuyến tổ 14 và tổ 18 thôn Bình Phụng	0,125	123,13	86,19	24,63	12,31		
2	Bê tông hóa giao thông nội đồng Tuyến tổ 12 và tổ 13 thôn Bình Xá	0,515	507,28	355,09	101,46	50,73		
2	Kênh mương nội đồng		271,26	189,88	54,25	27,13		
1	Bê tông hóa kênh nội đồng tổ 2 Bình Hội (kênh và công trình trên kênh)	01 CT	271,26	189,88	54,25	27,13		
II	Xã Bình Nam		901,65	631,16	180,33	90,17	0,00	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Mẫu giáo Bình Nam	01 CT	901,65	631,16	180,33	90,17	-	
III	Xã Bình Lãnh		1.502,00	1.051,40	300,40	150,20	0,00	3 CT
1	Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn, cảnh quan nông thôn trên địa bàn xã Bình Lãnh	1 CT	602,00	421,40	120,40	60,20		

☆

2	Nâng cấp hệ thống điện nông thôn xã Bình Lãnh	1 CT		500,00	350,00	100,00	50,00		
3	Cống thoát nước đường giao thông nội đồng Đồng lớn (02 cống)	1 CT		400,00	280,00	80,00	40,00		
IV	Xã Bình Dương			300,55	210,39	60,11	30,06	0,00	1 CT
1	Sửa chữa khu hiệu bộ trường THCS Lê Đình Chinh và các hạng mục khác	1 CT		300,55	210,39	60,11	30,06		
V	Xã Bình Định Bắc			361,00	210,39	60,09	15,02	75,50	1 CT
1	Bê tông hóa giao thông nội đồng tuyến tổ 3 đi Đồng rộc chùa thôn Xuân An	0,305		361,00	210,39	60,09	15,02	75,50	
VI	Xã Bình Định Nam			300,55	210,39	60,11	30,06	-	1 CT
1	Nâng cấp, chỉnh trang trường TH Đình Tiên Hoàng (hạng mục: Sân nền, đường nội bộ)	1 CT		300,55	210,39	60,11	30,06		
VII	Xã Bình Chánh			300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	1 CT
1	Bê tông hóa Giao thông nội đồng tuyến đồng tổ 4, tổ 9 thôn Mỹ Trà	0,305		300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	
VIII	Xã Bình Phú			300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sạch thôn Phước Hà và Lý Trường	1 CT		300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	
IX	Xã Bình Đào			300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sạch thôn Trà Đóa 1 và Trà Đóa 2	1 CT		300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	
X	Xã Bình Triều			300,55	210,39	60,11	30,06	-	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sạch thôn Hưng Mỹ	1 CT		300,55	210,39	60,11	30,06		

XI	Xã Bình Trị			300,55	210,39	60,11	30,06	-	1 CT
1	Bê tông hóa giao thông nội đồng tuyến từ ông Lê Văn Lệ đến nhà Lê Văn Sáu tổ 21 thôn Châu Lâm	0,305		300,55	210,39	60,11	30,06		
XII	Xã Bình Giang			301,00	210,70	60,20	30,10	-	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa các Tuyến kênh nội đồng	1 CT		301,00	210,70	60,20	30,10		
XIII	Xã Bình An			300,55	210,39	60,11	30,06	-	1 CT
1	Bê tông hóa giao thông nội đồng tuyến đồng rập Cây dứa đi đồng rập Thổ tổ 5, thôn An Thành 1	0,305		300,55	210,39	60,11	30,06		
XIV	Xã Bình Quý			525,99	210,40	105,20	26,30	184,10	1 CT
1	Bê tông hoá giao thông nội đồng tuyến tổ 13, thôn Quý Xuân và tuyến tổ 16, thôn Quý Hương	0,534		525,99	210,40	105,20	26,30	184,10	
XV	Xã Bình Trung			300,80	210,56	60,16	30,08	-	1 CT
1	Nâng cấp Khu thể thao xã	1 CT		300,80	210,56	60,16	30,08		
XVI	Xã Bình Sa			300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	1 CT
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cổ Linh	1 CT		300,55	210,39	60,11	15,03	15,03	
XVII	Xã Bình Hải			300,60	210,42	60,12	30,06	-	1 CT
1	Bê tông hoá kênh nội đồng dọc tuyến ĐH 2 tổ 2, thôn Đông Trì	0,33		300,60	210,42	60,12	30,06		
XVIII	Xã Bình Nguyên			300,55	210,39	60,11	30,06	-	2 CT

1	Nâng cấp cống Lùm (hạng mục: kè)	1 CT	190,55	133,39	38,11	19,06	
2	Nâng cấp tuyến kênh N22-1 từ đồng Bàu Đáy đi Thỏ Dương	1 CT	110,00	77,00	22,00	11,00	
XIX	Xã Bình Phục		300,78	210,55	60,16	30,08	1 CT
1	Bê tông hóa kênh nội đồng tuyến tổ 6 thôn Bình Hiệp	0,33	300,78	210,55	60,16	30,08	
XX	Xã Bình Tú		525,99	210,40	105,20	26,30	1 CT
1	Bê tông hóa giao thông nông thôn tuyến từ QL1A đi tiền hiền làng Tuân Nghĩa thôn Tú Mỹ	0,53	525,99	210,40	105,20	26,30	184,10